

Nagasaki. Một số thành phố khác đã phát triển tới mức trở thành những thành phố tự trị hoặc gần tự trị như Sacai, Hiramô, Cuvanna... Thành phố Sacai được coi là thành phố tự trị điển hình nhất, có hình thức tổ chức giống như các thành phố cộng hoà của châu Âu vào thời trung đại. Nó không chịu sự lệ thuộc vào một lãnh chúa phong kiến nào, đồng thời nó có một hội đồng quản lí thành phố riêng, một quân đội riêng, một toà án riêng... Với một tổ chức như thế, Sacai thực sự là một nước cộng hoà tự trị. Tuy nhiên đa số các thành thị Nhật Bản vẫn mang tính chất phong kiến và chịu sự thống trị của các lãnh chúa phong kiến. Những thành phố này không thể đạt đến chỗ độc lập, thậm chí cũng không đạt đến các hình thức tự quản lí hạn chế hơn.

Về xã hội, cuộc tranh chấp giữa các thế lực phong kiến đã làm cho mâu thuẫn xã hội phát triển rất gay gắt. Để phục vụ cho chiến tranh, giai cấp thống trị đã tăng cường đánh thuế, và điều đó trở thành gánh nặng đối với người lao động, nhất là nông dân, khiến cho người lao động không chịu nổi. Do vậy, ngay từ thế kỉ XV, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra, như : cuộc khởi nghĩa ở các vùng xung quanh Kyôtô (1428), cuộc khởi nghĩa ở Harima (1429), cuộc khởi nghĩa ở Lamasio (1485)...

Vào thế kỉ XVI, các cuộc khởi nghĩa chống phong kiến ở nông thôn cũng như ở thành phố liên tiếp nổ ra. Theo một thống kê chưa đầy đủ thì trong khoảng 75 năm (1500 – 1575) đã nổ ra 29 cuộc khởi nghĩa lớn. Những cuộc khởi nghĩa này đều tập trung đánh vào bọn cho vay nặng lãi và phong kiến, đòi thủ tiêu các món nợ, đòi giảm thuế v.v...

Trong quá trình khởi nghĩa, nông dân thường liên hiệp rộng rãi với tầng lớp thị dân (thợ thủ công, tiểu thương), vì tầng lớp này cũng bị lệ thuộc bọn cho vay nặng lãi như nông dân, cũng bị khổ sở vì sự áp bức của phong kiến. Một số cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra dưới các khẩu hiệu và sự lãnh đạo của các phái Phật giáo.

3. Thời kì Mạc phủ Tôcugaoa (1603 – 1867)

a) Sự thiết lập Mạc phủ Tôcugaoa

Sau khi Nôbunaga chết (1582), Tôyôtômi Hidêyôsi (1536–1598) lên nắm chính quyền đã hoàn thành cơ bản công cuộc thống nhất đất nước. Trong thời kì cầm quyền của mình (1582–1598), Hidêyôsi tiến hành chinh phục Triều Tiên, xây dựng lâu đài Ôsaca to lớn, tráng lệ và hưởng thụ

một cuộc sống xa hoa. Đồng thời, ông cũng thi hành nhiều chính sách khác nhau, trở thành kiểu mẫu trong chính sách của các nhà cầm quyền Mạc phủ sau đó. Chẳng hạn, ông đã công bố "lệnh tịch thu kiếm" để tước hết khí giới của nông dân và thị dân, ban hành chính sách khống chế thân phận và khống chế kinh tế để cấm di chuyển vị trí các giai cấp, ông cũng thiết lập một chế độ phong kiến quan liêu và kiên trì theo đuổi đường lối hướng về Trung Quốc.

Nhưng Hidêyôsi thực hiện không được nhiều những chính sách của mình. Sau cái chết của ông (1598), Tộcugaoa Iêyasu (1542 – 1616) bắt đầu nắm quyền cai trị. Lúc đầu Iêyasu lấy tư cách là người bảo vệ con của Hidêyôsi là Hidêyôri, khi ấy còn nhỏ tuổi, để khống chế chính quyền. Dưới khẩu hiệu bảo vệ địa vị hợp pháp của Hidêyôri, các lãnh chúa phong kiến khác, chủ yếu là các lãnh chúa miền Tây, đã liên minh với nhau để chống Iêyasu. Vào năm 1600, cuộc đại chiến ở Sêkihagara (Quan Ngã Nguyên) đã diễn ra, Iêyasu đã đánh bại liên quân của hơn 40 lãnh chúa đại danh. Từ đó, quyền lực của Iêyasu mới thực sự được thiết lập. Đến năm 1603, Iêyasu tự xưng làm Tướng quân, thiết lập Mạc phủ và lấy Êđô (Giang Hộ) làm thủ phủ. Đó cũng là năm mở đầu cho thời kì Mạc phủ Tộcugaoa.

Tuy bị thất bại trong trận chiến Sêkihagara, các lãnh chúa miền Tây vẫn tiếp tục liên kết với nhau và ủng hộ Hidêyôri. Vào năm 1614, Iêyasu tập trung lực lượng gồm 12 vạn quân, vây hãm và tiến công thành phố Ôsaca, dinh lũy của phe đối lập. Cuộc chiến khốc liệt diễn ra trong một thời gian dài. Cuối cùng, vào năm 1615, thành phố Ôsaca bị hạ, Hidêyôri phải tự sát. Từ đó, nước Nhật mới thực sự chấm dứt nội chiến.

Để duy trì sự thống nhất, hoà bình vừa mới có được, công việc đầu tiên mà Mạc phủ Tộcugaoa thực hiện là củng cố sự thống trị bằng cách thu tóm toàn bộ quyền lực về mình. Do vậy, trong thời kì Tộcugaoa, triều đình và Thiên hoàng tuy vẫn tồn tại, song chỉ hoàn toàn là hình thức, còn trên thực tế đã mất hết mọi chức năng hành chính. Triều đình và Thiên hoàng vẫn nhận được những khoản thu nhập thoả đáng, song phải nhận thu nhập bằng hiện vật chứ không được phép sở hữu đất đai.

Để đề phòng các lãnh chúa không chịu thần phục, Mạc phủ Tộcugaoa đã thực thi những biện pháp rất thận trọng. Với tư cách là kẻ sở hữu tối cao đối với toàn bộ đất đai, Mạc phủ đã cắt sê đất nước phong cho gần 300 lãnh chúa đại danh, nhưng có phân biệt thành 3 loại. Một loại thuộc dòng họ nhà Tộcugaoa thì được hưởng nhiều đất đai, quyền lợi, được trấn thủ ở 4 cõi khác nhau trong nước để vừa tránh được việc tranh giành nội bộ, lại vừa là tai mắt của Mạc phủ để chế ngự các dòng họ khác ở địa phương.

Một loại khác là những đại danh đã theo nhà Tôcugaoa lâu đời, trung thành và có nhiều công giúp nhà Tôcugaoa xây dựng cơ nghiệp ; gọi là Phổ đại đại danh (Fudai daimyo). Loại này cũng được hưởng nhiều ưu đãi, được phong những khu đất tốt ở gần nơi đóng đô của Mạc phủ. Cuối cùng là những đại danh chỉ theo nhà Tôcugaoa từ sau trận chiến khốc liệt Sêkigahara gọi là Đại danh bên ngoài (Tozama daimyo). Lúc đó có 87 đại danh loại này. Họ được hưởng ưu đãi ít hơn so với Phổ đại đại danh, và thường bị nhà Tôcugaoa cảnh giác, đề phòng. Chính Iêyasu đã thay đổi hết vị trí cai trị của 87 đại danh bên ngoài từ đất cai trị cũ, vốn là căn cứ hùng bá, đi đến những vùng đất mới.

Ngoài ra, để làm yếu thế lực của các lãnh chúa, Mạc phủ buộc họ phải đóng góp nặng nề, đồng thời thực hiện một chế độ kiểm soát dưới hình thức con tin và hình thức "Luân phiên có mặt" (Sankin kotai, Tham cần giao đại). Theo chế độ đó, mỗi đại danh buộc phải về sống ở Êđô vài tháng trong một năm, rồi khi trở lại lãnh địa của mình thì phải để vợ cùng gia đình ở lại Êđô.

Để có một chỗ dựa vững chắc, Mạc phủ còn chú ý tới việc củng cố lực lượng quân đội chuyên nghiệp. Trên hết là loại võ sĩ đặc biệt gọi là Hatamôtô, gồm khoảng 5000 người làm nhiệm vụ cấm binh và chỉ huy quân đội. Tầng lớp này do Tướng quân trực tiếp chỉ huy, được nhiều đất phong và đứng hàng thứ hai trong đẳng cấp phong kiến, dưới đại danh. Dưới Hatamôtô là tầng lớp võ sĩ nói chung. Trong thời Tôcugaoa, tầng lớp võ sĩ được hưởng nhiều ưu đãi : được sống tập trung ở thành thị, hưởng bổng lộc bằng gạo, chuyên nghề võ, được đeo gươm thường xuyên, thậm chí có thể xử phạt hay giết chết người nông dân nào đó nếu bị họ coi là có lỗi.

Tóm lại, nhờ thi hành nhiều chính sách phòng thủ thận trọng, Mạc phủ Tôcugaoa đã củng cố vững chắc sự thống trị của mình, đồng thời duy trì được hoà bình và sự ổn định trong một thời gian dài suốt 250 năm của thời đại Tôcugaoa (1603-1867).

b) Sự xâm nhập của phương Tây. Chính sách đóng cửa của Nhật Bản

Vào năm 1543, một thuyền buôn của 3 thương nhân Bồ Đào Nha trên đường từ bờ biển Quảng Đông (Trung Quốc) đến Malácca, đã gặp bão đánh dạt lên đảo Tanegasima thuộc phía nam đảo Kiusu. Đó là những thương nhân châu Âu đầu tiên đặt chân lên Nhật Bản. Sau khi những thương nhân này trở về Malácca, người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha bắt đầu đua nhau đến lập nghiệp trên khắp mạn duyên hải Tây Nam Nhật Bản, từ Kiusu qua

Nagatô đến tận Sacai. Đến đâu họ cũng được các lãnh chúa ưu đãi, bởi vì đó là thời kì Nhật Bản đang diễn ra cuộc nội chiến. Các lãnh chúa có thể mua được vũ khí (súng đạn) từ người châu Âu và nhờ người châu Âu huấn luyện quân sự, để tăng cường lực lượng quân sự của mình.

Theo gót chân các thương nhân châu Âu, các giáo sĩ Thiên chúa giáo cũng tìm đến Nhật Bản, sớm nhất là giáo sĩ Phăngxoa Xaviê, người Tây Ban Nha, đến Nhật Bản vào năm 1549.

Xuất phát từ mục đích muốn thông qua các giáo sĩ để phát triển quan hệ buôn bán với phương Tây, nhất là để mua vũ khí, các lãnh chúa Nhật Bản thi hành chính sách bảo vệ việc truyền đạo. Trong khi truyền đạo, lập giáo hội, các giáo sĩ đạo Thiên chúa còn mở trường học, nhà thương và bố thí từ thiện, nên thu hút được nhiều người theo. Năm 1582, đạo Thiên chúa đã phát triển suốt từ vùng Tây Nam qua Cantô đến Ôu, với 75 giáo sĩ, 200 giáo đường và 15 vạn tín đồ.

Đầu thế kỉ XVI, triều đại Tôcugaoa được thiết lập. Tướng quân Iêyasu, người mở đầu của triều đại đó vẫn tiếp tục mở cửa đất nước để khuyến khích ngoại thương. Trong những năm đầu cầm quyền, ông đã thi hành một chính sách đối ngoại cởi mở, kể cả việc nâng đỡ Thiên chúa giáo. Chẳng hạn, ông có nhiều chính sách ưu đãi các thương nhân nước ngoài như cho phép họ được lập nghiệp và mở các cửa hàng, cửa hiệu ở Nhật Bản để kinh doanh buôn bán ; miễn thuế nhập nội cho thương nhân một số nước như Hà Lan, Anh và Tây Ban Nha. Nhiều thương nhân nước ngoài được nhập quốc tịch Nhật Bản, đổi sang tên Nhật và lấy người Nhật. Iêyasu còn tận dụng khả năng của các kiều dân để mở rộng quan hệ ngoại thương, hoặc làm cố vấn chính trị cho Mạc phủ. Nhờ những nỗ lực của Iêyasu mà vào năm 1609, Công ti Đông Ấn của Hà Lan (VOC) mở cửa hàng ở Hiradô, và năm 1613, Công ti Đông Ấn của Anh (EIC) cũng được phép mở cửa hàng ở đó.

Nhưng dần dần, những nhà cầm quyền Nhật Bản đã phân nào ý thức được rằng, Thiên chúa giáo mà người châu Âu mang đến Nhật Bản là mối nguy hiểm về chính trị. Các giáo sĩ đạo Thiên chúa ngày càng để lộ bộ mặt là kẻ dọn đường cho sự xâm lược của thực dân phương Tây, họ cấu kết chặt chẽ với các lãnh chúa miền Tây Nam để chống đối và làm suy yếu Mạc phủ. Sự phát triển của đạo Thiên chúa đã gây ra mâu thuẫn với các tôn giáo khác, nhất là Phật giáo, vốn là tôn giáo đã phát triển ở Nhật Bản trước đó. Do vậy, nó gây trở ngại không kém cho sự thống nhất đất nước. Vì thế, ngay trong những năm cầm quyền của mình, Hidêyôsi (1536 – 1598) đã cấm đạo Thiên chúa và ra lệnh đuổi hết các nhà truyền giáo châu Âu.

Sau khi Ieyasu chết (1616), việc bài đạo trở nên gắt gao hơn, đồng thời bắt đầu hạn chế buôn bán với người châu Âu. Thời Tôcugaoa Iyemitsu (1623 – 1642) việc bài đạo, trục xuất và giết hại giáo sĩ, triệt phá nhà thờ và sát hại tín đồ Thiên chúa giáo diễn ra kịch liệt nhất ; năm 1633, cấm người Nhật không được xuất ngoại ; năm 1639, đuổi hết các thương nhân châu Âu còn lại ở Đêsimasima, Nagasaki và cắt đứt quan hệ buôn bán với phương Tây, trừ người Hà Lan được phép buôn bán ở Nagasaki.

Như vậy, năm 1639 là mốc đánh dấu thời điểm Nhật Bản đóng cửa đối với phương Tây. Chính sách đóng cửa, được duy trì trong khoảng 215 năm. Trong thời gian đóng cửa, chỉ có ba nước : Trung Quốc, Triều Tiên và Hà Lan là sợi dây nối liền Nhật Bản với thế giới bên ngoài. Do vậy, Nhật Bản không hoàn toàn cô lập và vẫn tiếp tục phát triển. Vào năm 1854, trước sức ép của phương Tây và thực tế đất nước không thể tiếp tục đóng cửa lâu hơn nữa, Nhật Bản đã bãi bỏ lệnh đóng cửa, mà trước hết là mở cửa cho Mỹ vào buôn bán, và sau đó là Anh và Pháp.

c) Tình hình kinh tế, xã hội

Trong thời Tôcugaoa, nhờ đất nước hoà bình và thống nhất mà kinh tế Nhật Bản tiếp tục phát triển. Nông nghiệp thời kì này có nhiều tiến bộ. Người ta đã cải tiến hầu hết các đường lối sản xuất cổ truyền của Nhật Bản trước đây bằng cách áp dụng những sở trường về phương pháp canh tác cũng như các công cụ canh tác của Trung Quốc. Chẳng hạn, người ta đã bỏ hết các loại cây, bừa, cuốc kiểu cũ nặng nề để thay bằng những kiểu cây, bừa, cuốc nhẹ ; thay những cào cỏ gỗ bằng những loại chế tạo từ sắt ; áp dụng lối gặt lúa bằng liềm, lối giã gạo bằng chân với các loại cối giã cần gỗ ; lối tát nước gầu dây đối với đồng thấp và dùng xe guồng nước đối với đồng cao...

Phương pháp canh tác thời kì này rất được chú ý. Người ta đã sử dụng các phương pháp chọn giống để có năng suất cao, đồng thời triệt để khai thác sử dụng các loại phân bón khác nhau như phân xanh (ủ rơm, ủ cỏ), tro than, bùn ao... Lúa cấy đủ cả 3 mùa và biết sử dụng phương pháp luân canh gối vụ, lại tùy loại đất, tùy khí hậu mà chọn loại cây trồng cho thích hợp. Cây trồng thời đó khá phong phú. Ngoài các loại lúa còn có các loại ngô, đỗ, vừng, kê, lạc, mía, thầu dầu, dưa gang, dưa hấu, dưa chuột... Đã xuất hiện những vùng chuyên canh nổi tiếng như : mía, đường, mật, thuốc lá của xứ Satsuma, cây chà thơm và nghề nhuộm chà thơm của xứ Awa, cây sơn của xứ Aizu, trồng dâu nuôi tằm của vùng Kantô.

Nhờ nông nghiệp phát triển, sản lượng ngũ cốc dưới thời Tôcugaoa tăng lên nhanh chóng. Năm 1598, tổng sản lượng toàn quốc là 1850 vạn thạch⁽¹⁾, đến năm 1786 – 1837 đã đạt tới 3042 vạn thạch.

Thủ công nghiệp cũng được phát triển dưới thời Tôcugaoa để đáp ứng nhu cầu của giai cấp phong kiến. Thời đó Nhật Bản đã sản xuất được những mặt hàng thủ công nổi tiếng như : giấy của xứ Minô, Êsiden, Saaki ; rượu của xứ Nisinô Miya, Kyôtô ; hàng dệt của vùng Kyôtô, Sacai... Ở Sacai có những cơ sở thủ công nghiệp sử dụng cả thợ thủ công Trung Quốc và Nhật Bản.

Trong số các mặt hàng thủ công, tơ sống, lụa và vải là những mặt hàng quan trọng nhất. Chúng được sản xuất vừa để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, vừa để bán ra nước ngoài. Người Trung Quốc và Hà Lan đã mua rất nhiều hàng này của Nhật Bản để đem về bán ở trong nước hoặc bán ở các nước Đông Nam Á.

Đầu thế kỉ XIX, Nhật Bản đã ở vào thời kì tiền tư bản chủ nghĩa. Nhiều công trường thủ công của các lãnh chúa đại danh đã xuất hiện để khai thác vàng ở Sadô, bạc ở Icu nô, than ở Niike, sản xuất sợi ở Sôsu, giấy ở Tôsa, lụa ở Naganô, gấm ở Caga. Lúc bấy giờ có chừng 400 công trường thủ công có trên 10 công nhân.

Thương nghiệp dưới thời Tôcugaoa cũng được đẩy mạnh. Khi mới lên cầm quyền, Iêyasur đã lấy giao dịch buôn bán với bên ngoài làm phương tiện bổ sung tài chính quốc gia, nên đã rất khuyến khích mậu dịch đối ngoại. Thời ông, để bảo vệ uy tín trong quan hệ buôn bán với bên ngoài, Mạc phủ và các lãnh chúa đại danh đều có lệ cấp chứng chỉ cho những thuyền buôn bán gọi là Gôsuingiô (Ngự chu ấn trạng). Nhờ chính sách ưu đãi thương nghiệp với bên ngoài mà thời Tôcugaoa Iêyasur, Nhật Bản đã có quan hệ buôn bán với nhiều nước như : Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Thái Lan, Malaixia, Ấn Độ, đảo Giava, Brunây, Philíppin... ở châu Á, với Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia, Anh, Hà Lan ở châu Âu, với Mêhicô ở châu Mĩ.

Năm 1639, khi Nhật Bản ban bố lệnh toả quốc thì ngoại thương hầu như bị cắt đứt, nhưng nội thương thì lại rất phát triển. Nhiều thành phố trở thành những trung tâm thương nghiệp lớn như Êđô, Kyôtô và Ôsaca. Sản phẩm thủ công nghiệp từ các nơi trong nước được đưa về các đô thị lớn. Ở Ôsaca, mỗi năm có tới 4 triệu thạch gạo được chở tới để bán.

(1) Thạch (Kôku) là đơn vị đo lường thời đó của Nhật Bản, 1 thạch bằng 180 lít.

Do thương nghiệp phát triển, nhiều thương đoàn, thương hội đã ra đời. Thương đoàn gạo Ôsaca có tới 1351 người. Thương hộ Êđô có 2100 thương gia. Vào thời gian này, Nhật Bản có tới 70 nhà triệu phú, có người như Mitsu, Sumitômô kinh doanh lớn từ thế kỉ XVII, cha truyền con nối đến sau này.

Về xã hội, thời Tôcugaoa có 2 giai cấp : võ sĩ (phong kiến) và nông dân, cùng 2 tầng lớp khác là thợ thủ công và thương nhân. Theo quy định của Mạc phủ, các giai tầng ấy lại chia thành 4 đẳng cấp, bốn bậc thang xã hội khác nhau theo thứ tự từ cao xuống thấp là : võ sĩ (sĩ), nông dân (nông), thợ thủ công (công) và thương nhân (thương).

Sự phân chia này dựa vào một thứ lí luận cho rằng, võ sĩ là đẳng cấp cao nhất vì họ là những người cầm quyền, chịu đựng những gánh nặng quốc gia, họ đem lại những điều tốt đẹp cho đất nước. Nông dân là những người sản xuất chủ yếu, mang lại tài sản, của cải. Thợ thủ công kém hơn, nhưng còn có giá trị vì họ là những người sản xuất. Chỉ có thương nhân là có địa vị thấp nhất vì họ không cầm quyền, cũng không sản xuất ra của cải mà chỉ làm nhiệm vụ phân phối lại sản phẩm, tuy công việc này cũng cần thiết.

Võ sĩ thời Tôcugaoa bao gồm hầu hết giai cấp phong kiến, chia làm nhiều thứ bậc khác nhau. Trên hết là Tướng quân có mọi quyền hành và nhiều đất đai nhất (khoảng 1/3 đất đai cả nước), đồng thời quản lí và khống chế nhiều thành phố, hầm mỏ và hải cảng quan trọng.

Sau Tướng quân là các đại danh (daimyo). Mạc phủ lấy đất đai phong cho khoảng 300 đại danh lập thành "phiên chế", trong đó mỗi đại danh cai trị một khu, gọi là "phiên". Dưới đại danh là một loại võ sĩ đặc biệt gọi là Hatamôtô, cũng được hưởng nhiều đất đai và ưu đãi. Cuối cùng là tầng lớp võ sĩ nói chung, chiếm số lượng đông đảo hơn cả trong giai cấp võ sĩ, chẳng hạn như các Asigaru (chiến binh) hay các Gôkanin (gia nhân)... Giống như ở Tây Âu, giai cấp võ sĩ phong kiến ở Nhật Bản cũng chia ra nhiều thứ bậc và ràng buộc với nhau bằng quan hệ tôn chủ - bồi thần. Quan hệ này ở Nhật Bản thể hiện trong cái trật tự cố hữu "chủ tòng" (Shuju), theo đó thì điều kiện cao nhất của người võ sĩ là phải trọn vẹn trung thành với võ gia chủ suý.

Nông dân là tầng lớp đông đảo nhất, chiếm 80% dân số, thời Tôcugaoa, địa vị kinh tế, xã hội của nông dân bị suy giảm đi nhiều. Các quyền tự trị (tự lập làng), tự do (chuyển chỗ ở, trồng các loại hoa màu) bị xoá bỏ. Mạc phủ ban hành chính sách "thống chế thân phận" và "nhóm 5 nhà" mà theo đó, nông dân không được rời bỏ ruộng đất, không được đổi nghề. Mức thuế

mà họ phải nộp theo tỉ lệ "lục quan, tứ dân" (lãnh chúa lấy 6/10 số thóc gặt được theo diện tích cây cấy). Họ không được mặc quần áo bằng lụa, không được uống rượu, cũng không được ở nhà sàn lợp ngói, và phải đi phu đi dịch liên miên. Do vậy đời sống nông dân hết sức cực khổ.

Có địa vị thấp kém hơn cả là tầng lớp công thương. Thời Tộcugaoa họ cũng chịu những chính sách hạn hẹp, hà khắc và bị khống chế bởi chính sách "khống chế thân phận". Tuy nhiên họ đã nhanh chóng phát triển thế lực kinh tế của mình, nhất là từ thế kỉ XVIII trở về sau. Tình hình đó làm cho cấu trúc giai cấp, đẳng cấp dưới thời Tộcugaoa bị xáo trộn. Một số võ sĩ ngày càng trở nên nghèo túng, nên họ muốn kết thông gia hoặc nhờ tầng lớp công thương giúp đỡ về kinh tế. Nhiều võ sĩ đã từ bỏ đẳng cấp của mình để trở thành dân thành thị, nhập vào hàng ngũ công thương. Một số nông dân không chịu nổi sự bóc lột phong kiến đã trốn khỏi nông thôn để ra thành thị làm thuê. Đồng thời, một số thương nhân giàu có lại bỏ tiền mua ruộng đất, trở thành những địa chủ mới, gia nhập vào tầng lớp võ sĩ.

Sự xáo trộn của kết cấu giai cấp vào cuối thời Tộcugaoa chứng tỏ rằng, xã hội phong kiến Nhật Bản đang lâm vào tình trạng tan rã.

d) Sự sụp đổ của Mạc phủ Tộcugaoa

Tuy đã duy trì được một nền hoà bình và một sự thống nhất ổn định lâu dài, nhưng những chính sách mà Mạc phủ Tộcugaoa thi hành để củng cố sự thống trị của mình đã làm cho kết cấu xã hội – chính trị dưới thời Tộcugaoa trở nên xơ cứng. Những chính sách đó khống chế chặt chẽ các tầng lớp xã hội, nhất là quần chúng lao động bao gồm nông dân và tầng lớp công thương. Chính vì thế nó làm cho những mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt. Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân đã nổ ra, nhất là từ thế kỉ XVIII trở đi, trong đó có năm xảy ra tới 40 cuộc đấu tranh của nông dân, có cuộc đấu tranh đông tới 20 vạn người. Trong 260 năm cai trị của Mạc phủ Tộcugaoa có khoảng 1200 cuộc đấu tranh vũ trang của nông dân đòi ruộng đất, đòi giảm tô giảm tức hoặc cướp phá kho thóc của chúa phong kiến.

Đồng thời với phong trào của nông dân còn có phong trào đấu tranh của dân nghèo thành thị. Phong trào này lôi cuốn cả những nông dân bỏ làng ra thành thị tham gia.

Phong trào đấu tranh đặc biệt dâng cao kể từ sau khi Mạc phủ buộc phải kí các hiệp định thương mại với Mĩ, sau đó với Hà Lan, Nga, Anh và Pháp vào năm 1858. Những hiệp ước bất bình đẳng nói trên đã chấm dứt thời kì biệt lập của Nhật Bản, buộc Nhật Bản phải mở cửa giao thương với bên ngoài. Sự mở cửa này có những tác động sâu sắc đến xã hội Nhật Bản về

mọi mặt. Nó đưa đến hậu quả làm đảo lộn đời sống kinh tế trong nước. Do hàng hoá nước ngoài tràn vào cạnh tranh với hàng thủ công Nhật Bản, nên nhiều công trường thủ công phải ngừng sản xuất, hàng vạn thợ thủ công mất việc làm. Giá hàng tiêu dùng tăng nhanh, đời sống nhân dân càng thêm túng quẫn.

Những nhượng bộ của Mạc phủ đối với phương Tây đã gây nên một làn sóng công phẫn trong các tầng lớp nhân dân, vốn đã bất mãn với chính sách nội trị của chế độ Tướng quân. Trước các tầng lớp nhân dân Nhật Bản, Tướng quân không những là kẻ chiếm đoạt quyền hành Thiên hoàng mà còn là kẻ phản bội đất nước.

Vì thế, phong trào bài ngoại, chống Mạc phủ ngày càng phát triển, khiến cho tình hình xã hội thêm hỗn loạn. Các lực lượng chống Mạc phủ gồm nhiều tầng lớp khác nhau. Các lãnh chúa phong kiến muốn đánh đổ Tướng quân để xây dựng một chính quyền của các lãnh chúa, nhằm duy trì quyền lợi phong kiến của họ. Tầng lớp tư sản mới hình thành, tuy thực chất không chống lại chế độ Tướng quân, nhưng có yêu cầu phá bỏ chế độ cát cứ phong kiến để được tự do làm ăn, buôn bán. Nông dân và tầng lớp công nhân đòi hỏi cải cách xã hội, không những muốn đánh đổ chế độ Mạc phủ mà còn muốn xoá bỏ chế độ phong kiến để xây dựng một nước Nhật Bản thống nhất với những thể chế dân chủ. Dần dần các lực lượng này đi đến một điểm thống nhất quan trọng là : "Muốn thúc đẩy phong trào phát triển mạnh hơn thì phải nắm lấy Thiên hoàng, muốn đánh đuổi người nước ngoài thì trước hết phải quét sạch các chướng ngại cản trở việc đó, phải đánh đổ Mạc phủ, phải xây dựng một nước Nhật thống nhất..." Khẩu hiệu trực tiếp của cuộc đấu tranh là "đảo Mạc" (lật đổ Mạc phủ). Cuối cùng, trước sức ép của phong trào quần chúng, chế độ Tướng quân đã sụp đổ ngày 9-11-1867, kết thúc sự thống trị suốt gần 7 thế kỉ của nền chuyên chế Tướng quân và cũng là kết thúc sự tồn tại của chế độ phong kiến ở Nhật Bản.

4. Văn hoá Nhật Bản từ thế kỉ XIII đến nửa đầu thế kỉ XIX

Trong những thế kỉ XIII – XV, kỉ luật của tầng lớp võ sĩ đã đặc biệt phát triển thành cái gọi là "Võ sĩ đạo" (Bushido), tới mức trở thành một giá trị thẩm mĩ, một tiêu chuẩn đạo đức và hành động của toàn xã hội. Nó có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển của văn hoá.

Hình tượng nghệ thuật của người võ sĩ đã được thể hiện trong các tác phẩm văn học ra đời và phát triển trong thời kì ấy và mang hình thức

là "gunki" – những anh hùng ca. Nổi tiếng nhất là hai thiên anh hùng ca : một là *Hâykê Mônôgatari*, ra đời vào đầu thế kỉ XIII, có nội dung kể về cuộc chiến giữa họ Taira và họ Minamôtô ; và hai là *Taihayki* (Thái Bình kí), ra đời vào giữa thế kỉ XIV, kể lại cuộc đấu tranh giữa các phong kiến miền Đông và miền Tây. Cả hai tác phẩm này đều hình thành trên cơ sở những câu chuyện truyền miệng của nhân dân có người chuyên kể lại.

Ngoài văn học, nghệ thuật sân khấu cũng đạt được những thành tựu đáng kể trong các thế kỉ XIV – XV. Tuy nhiên đặc điểm của kịch thời kì này là ở chỗ nó không tách rời sân khấu. Kịch bản ra đời trong quá trình trình diễn, còn những mục trình diễn đều bắt nguồn từ những điệu nhảy múa của nhân dân. Đề tài của kịch thường là những câu chuyện hoang đường, thần thoại, những truyện anh hùng, truyện lãng mạn, truyện cổ tích và cả những biến cố xảy ra trong cuộc sống. Khi trình diễn, người ta thay đổi nhiều cảnh, có đoạn múa, có đoạn hài hước và đôi khi còn xen vào vài ngón ảo thuật. Kịch gia nổi tiếng nhất thời ấy là Xêami (1368 – 1443).

Hội hoạ thời kì này rất phát triển với lối vẽ thuỷ mặc. Đó là lối vẽ dùng nước lã, mực đen để vẽ lên giấy. Lối vẽ này có nguồn gốc từ Trung Quốc và được truyền vào Nhật Bản từ thời Tống. Vào thế kỉ XV, lối vẽ thuỷ mặc đã được kết hợp với Đại Hoà hội để vẽ sơn thuỷ, hoa, điểu, cầm thú. Sự kết hợp này được thể hiện ở chỗ, người ta vẫn vẽ thuỷ mặc là chính, nhưng chấm phá thêm một vài màu sắc theo nghệ thuật tả chân của Đại Hoà hội trong hội hoạ, qua đó thể hiện được tình cảm và tư tưởng sâu sắc nhất của con người. Các nghệ sĩ nổi tiếng nhất trong hội hoạ của thời kì này là Giôsetsu Setsusu (1420 – 1506) và Canô Môtônôbu (1476 – 1559).

Bên cạnh hội hoạ, ngành điêu khắc cũng phát triển rộng rãi, khuynh hướng mới trong điêu khắc thời kì này là sự kết hợp những truyền thống cũ của Nhật Bản với những yếu tố điêu khắc. Tuy nhiên, điêu khắc thường vẫn được kết hợp với kiến trúc. Những công trình kiến trúc nổi tiếng nhất thời bấy giờ có Toà nhà vàng (Kinkakuddi) xây dựng năm 1397 ở Kyôtô và Chùa Bạc (Ginkakuddi) xây năm 1473.

Sự phát triển của văn hoá vào thế kỉ XVI vẫn tiếp tục diễn ra trong hoàn cảnh rất phức tạp. Các cuộc chiến tranh phong kiến kéo dài đã ảnh hưởng tới nó. Do vậy đặc điểm của văn hoá Nhật Bản ở thế kỉ XVI là được hình thành dưới ảnh hưởng của các yếu tố xung đột và mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn, trong văn học, loại văn châm biếm rất phát triển. Nội dung của loại văn châm biếm mang tính chất hiện thực, chủ yếu phản ánh những thói xấu của tầng lớp quý phái và bọn thầy tu.